

Bản án số: **06/2020/DS-ST**

Ngày: 02 - 3 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Liên

Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 413/2019/TLST-DS ngày 30/7/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **01/2020/QĐXXST-DS ngày 20/01/2020** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H

Địa chỉ: 02 đường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Điền Quốc S

Địa chỉ: 05 đường TP, phường L, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông S là bạn bè, bà H biết ông S có kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Ông S có nói với bà là muốn mở rộng nhà hàng ăn nên cần thêm vốn, do tin tưởng nên bà H đã đưa cho ông S hai lần tiền, cụ thể:

Ngày 17/01/2019 bà H đưa cho ông S số tiền 500.000.000 đồng. Ông S viết giấy thỏa thuận với nội dung bà H góp vốn kinh doanh, ông S cam kết trả tiền lãi mỗi tháng là 5% trên số tiền góp.

Ngày 20/02/2019, ông S có gửi tiền lãi là 25.000.000 đồng, đồng thời ông S nói với bà H muốn mở thêm nhà hàng nên cần thêm vốn. Bà H đưa thêm cho ông S 1.000.000.000 đồng. Ông S viết giấy nhận tiền với nội dung bà H góp vốn kinh doanh, ông S trả tiền lãi mỗi tháng là 5%/tháng trước khi nhà hàng đi vào kinh doanh; sau khi nhà hàng đi vào kinh doanh thì lãi suất là 7%/tháng.

Đến ngày 04/5/2019, ông S chuyển trả cho bà H tiền lãi của tháng 3/2019 là 75.000.000 đồng. Sau đó, mặc dù bà H đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu ông S thanh toán tiền lãi nhưng ông S né tránh, không liên lạc với bà H. Sau khi tìm hiểu bà H mới biết ông S không mở nhà hàng mới. Việc ông S vay tiền của bà để sử dụng vào mục đích gì bà không biết. Nhà hàng và khách sạn cũ của ông S cũng đã chấm dứt việc kinh doanh.

Ngày 08/06/2019, bà H có Thông báo yêu cầu chấm dứt việc góp vốn và yêu cầu ông S trả lại số tiền đã nhận 1.500.000.000 đồng nhưng ông S cố tình trốn tránh, không thực hiện việc trả tiền cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Điền Quốc S trả cho bà toàn bộ số tiền đã đưa cho ông S là 1.500.000.000 đồng.

*** Bị đơn, Ông Điền Quốc S:**

Kết quả xác minh ngày 02/8/2019 thể hiện ông S không còn sinh sống tại địa phương từ đầu năm 2019, đi đâu địa phương không rõ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng của ông S và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo công lý, Đài tiếng nói Việt Nam và Cổng thông tin điện tử của Tòa án).

*** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét bản chất “Giấy thỏa thuận” ngày 17/01/2019 và “Giấy nhận tiền” ngày 20/02/2019 không phải là “Hợp đồng góp vốn” mà là Hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về lãi theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do đó cần xác định lại đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Thỏa thuận về lãi suất 5%/tháng của ông S và bà H là vượt quá mức lãi suất theo qui định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên bà H yêu cầu ông S trả lại cho bà H 1.500.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp về tiền lãi nên không có căn cứ để xem xét về lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ “Giấy thỏa thuận” lập ngày 17/01/2019 và “Giấy nhận tiền” lập ngày 20/02/2019 có nội dung bà Lê Thị Thu H góp vốn vào kinh doanh nhà hàng của ông Điền Quốc S. Tuy nhiên, căn cứ vào thỏa thuận mà các đương sự giao kết trong “Giấy thỏa thuận” ngày 17/01/2019 và “Giấy nhận tiền” ngày 20/02/2019 thì không có sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên vốn góp đối với công việc kinh doanh, không nêu cụ thể góp vốn vào loại hình kinh doanh nào, cũng không có việc xác nhận góp vốn mà chỉ thỏa thuận về việc trả lãi đối với số tiền mà ông S đã nhận của bà H là 5%/tháng và 7%/tháng. Do đó, bản chất của “Giấy nhận tiền” và “Giấy thỏa thuận” nêu trên không phải là Hợp đồng góp vốn mà là Hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về lãi theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý và xác định quan hệ “Tranh chấp hợp

đồng góp vốn ” là không đúng, nên phải xác định lại quan hệ tranh chấp này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Căn cứ “Giấy thỏa thuận” lập ngày 17/01/2019 và “Giấy nhận tiền” lập ngày 20/02/2019 thì ông Điền Quốc S có địa chỉ thường trú tại 98D/5 Trần Phú, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa. Như vậy, ông S đang có nghĩa vụ dân sự đối với bà H, nhưng sau đó ông S đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà H và cũng không thông báo cho chính quyền địa phương biết là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với bà H. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt lần thứ hai; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Theo lời trình bày của bà H và theo “Giấy thỏa thuận” lập ngày 17/01/2019, “Giấy nhận tiền” lập ngày 20/02/2019 mà bà H cung cấp, thể hiện ông S vay của bà H hai lần với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) với mục đích mở rộng kinh doanh nhà hàng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và 7%/tháng (khi nhà hàng mới đưa vào kinh doanh). Ông S đã trả cho bà H hai lần tiền lãi là 25.000.000 đồng và 75.000.000 đồng (tổng cộng bà H đã nhận của ông S 100.000.000 đồng tiền lãi). Kể từ tháng 4/2019 ông S không thanh toán tiền lãi cho bà H nữa. Bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Điền Quốc S phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét tiền lãi 100.000.000 đồng của tháng 2 và tháng 3/2019 mà bà H đã nhận của ông S theo lãi suất 5%/tháng là vượt quá quy định của Bộ luật dân sự nên phần vượt quá không được chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy ông S chỉ mới thanh toán cho bà H 02 tháng tiền lãi, tính đến thời điểm xét xử, ông S còn nợ bà H 11 tháng tiền lãi. Như vậy, 100.000.000 đồng tiền lãi ông S đã trả cho bà H chia đều cho 13 tháng trên tổng số tiền vay 1.500.000.000 đồng là thấp hơn mức qui định của Bộ luật dân sự nên yêu cầu của bà H về việc không xem xét tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng: Theo “Giấy thỏa thuận” lập ngày 17/01/2019, có thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, còn “Giấy nhận tiền” lập ngày 20/02/2019 không có thỏa thuận về thời hạn. Vì ông S sử dụng tiền không đúng mục đích, không thực hiện đúng cam kết trả lãi nên ngày 08/6/2019, bà H đã có thông báo yêu cầu ông S trả tiền. Tuy nhiên, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, ngày 11/6/2019, bà H khởi kiện yêu cầu ông S phải trả toàn bộ 1.500.000.000 đồng tiền nợ cho bà H là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ Điều 463, 466, 467, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc ông Điền Quốc S phải trả cho bà Lê Thị Thu H toàn bộ số tiền **1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)** theo “Giấy thỏa thuận” lập ngày 17/01/2019 và “Giấy nhận tiền” lập ngày 20/02/2019.

2. Ông Điền Quốc S phải nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu H 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0014927 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Lê Thị Thu H, ông Điền Quốc S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Tú Vinh